



# Flex Cove G4

## LS161S LED8 827 IP20 L5000

Flex Cove G4, 800 lm, 90 lm/W, 827 ánh sáng trắng ấm, 24 V,  
Bảo vệ ngón tay

Giải pháp bền vững và linh hoạt với hiệu quả quang học xuất sắc

### Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung                  |                                             |
|----------------------------------|---------------------------------------------|
| Nguồn sáng có thể thay thế       | Không                                       |
| Số lượng bộ điều khiển           | 1 thiết bị                                  |
| Bao gồm bộ điều khiển            | Không                                       |
| Loại nguồn sáng                  | LED                                         |
| Dấu CE                           | Dấu CE                                      |
| Thời hạn bảo hành                | 3 năm                                       |
| Ký hiệu tính dễ cháy             | Đề gán trên các bề mặt dễ cháy thông thường |
| Thử nghiệm sợi dây nóng đỏ       | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 5 giây           |
| Tuân thủ tiêu chuẩn RoHS châu Âu | Có                                          |

| Thông tin kỹ thuật về đèn         |                       |
|-----------------------------------|-----------------------|
| Quang thông                       | 800 lm                |
| Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)      | 2700 K                |
| Quang hiệu (định mức) (Danh định) | 90 lm/W               |
| Chỉ số hoàn màu (CRI)             | >80                   |
| Góc chiếu của nguồn sáng          | 120 °                 |
| Màu sắc nguồn sáng                | 827 ánh sáng trắng ấm |
| Kiểu chụp quang học               | -                     |
| Độ lan tỏa của chùm sáng đèn      | 120° x 120°           |

| Vận hành và điện                       |         |
|----------------------------------------|---------|
| Điện áp đầu vào                        | 24 V    |
| Tần số dòng                            | - Hz    |
| Dòng khởi động                         | 35 A    |
| Thời gian khởi động                    | 0,32 ms |
| Mức tiêu thụ điện                      | 8,3 W   |
| Hệ số công suất (Tỷ lệ)                | 0       |
| Số lượng sản phẩm trên MCB 16 A loại B | -       |

| Nhiệt độ                  |               |
|---------------------------|---------------|
| Dải nhiệt độ màu ánh sáng | -20 đến +35°C |

| Điều khiển và điều chỉnh độ sáng |                  |
|----------------------------------|------------------|
| Có thể điều chỉnh độ sáng        | Có               |
| Giao diện điều khiển             | Dynamix DMX      |
| Công suất chiếu sáng liên tục    | Có thể lập trình |

| Cơ khí và vỏ đèn              |          |
|-------------------------------|----------|
| Vật liệu chụp quang học       | -        |
| Màu vỏ đèn                    | Trắng    |
| Lớp hoàn thiện chụp quang học | -        |
| Chiều dài tổng thể            | 5.000 mm |

Flex Cove G4

|                               |                 |
|-------------------------------|-----------------|
| Chiều rộng tổng thể           | 8 mm            |
| Chiều cao tổng thể            | 3 mm            |
| Đường kính tổng thể           | 0 mm            |
| Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) | 3 x 8 x 5000 mm |

Phê duyệt và ứng dụng

|                                |                         |
|--------------------------------|-------------------------|
| Mã bảo vệ chống xâm nhập       | IP20 [Bảo vệ ngón tay]  |
| Mã bảo vệ khởi tác động cơ học | IK02 [0.2 J tiêu chuẩn] |
| Cấp độ bảo vệ IEC              | -                       |

Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

|                            |        |
|----------------------------|--------|
| Dung sai quang thông       | +/-10% |
| Màu sắc ban đầu            | 3      |
| Dung sai mức tiêu thụ điện | +/-10% |

Hiệu suất theo thời gian (Tuân thủ IEC)

|                                    |          |
|------------------------------------|----------|
| Tuổi thọ hữu ích trung bình L70B50 | 30.000 h |
|------------------------------------|----------|

|                                |       |
|--------------------------------|-------|
| Điều kiện ứng dụng             |       |
| Độ mờ tối da                   | 1%    |
| Phù hợp với bột/tất ngẫu nhiên | Không |

Dữ liệu sản phẩm

|                                    |                            |
|------------------------------------|----------------------------|
| Tên sản phẩm khác                  | LS161S LED8 827 IP20 L5000 |
| Tên sản phẩm đầy đủ                | LS161S LED8 827 IP20 L5000 |
| Mã sản phẩm đầy đủ                 | 911401689703               |
| Mã đơn hàng                        | 911401689703               |
| Số vật liệu (12NC)                 | 911401689703               |
| Phần tử - Số lượng trên một bộ     | 1                          |
| Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài | 10                         |

Bản vẽ kích thước

